

BÀI 10: SỐ NGUYÊN TỐ. HỢP SỐ. PHÂN TÍCH MỘT SỐ RA THỪA SỐ NGUYÊN TỐ.

1. Số nguyên tố. Hợp số

- Số nguyên tố là số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó.
- Hợp số là số tự nhiên lớn hơn 1 có nhiều hơn hai ước

Ví dụ : số 17 là số nguyên tố, số 18 là hợp số

Chú ý : Số 0 và số 1 không là số nguyên tố cũng không là hợp số.

2. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

a) Phân tích một số tự nhiên ra thừa số nguyên tố:

- Phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố là viết số đó dưới dạng một tích các thừa số nguyên tố.

Ví dụ 1 : $24 = 2.3.2.2 = 2.2.2.2.3 = 2^3.3$

Ví dụ 2:

- Số 7 là số nguyên tố và dạng phân tích ra thừa số nguyên tố của nó là 7.

$$7=7$$

- Số 12 là hợp số và 12 được phân tích ra thừa số nguyên tố là:

$$12 = 2 \cdot 2 \cdot 3 = 2^2 \cdot 3$$

* Chú ý:

- Mọi số tự nhiên lớn hơn 1 đều phân tích được thành tích các thừa số nguyên tố.
- Mỗi số nguyên tố chỉ có một dạng phân tích ra thừa số nguyên tố là chính số đó.
- Có thể viết gọn dạng phân tích một số ra thừa số nguyên tố bằng cách dùng lũy thừa.

b) Cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố

CI: Phương pháp phân tích theo sơ đồ cột dọc:

VD:

$$\begin{array}{r|l} 36 & 2 \\ 18 & 2 \\ 9 & 3 \\ 3 & 3 \\ 1 & \end{array}$$

$$\Rightarrow 36 = 2^2 \cdot 3^2$$

$$\begin{array}{r|l} 280 & 2 \\ 140 & 2 \\ 70 & 2 \\ 35 & 5 \\ 7 & 7 \\ 1 & \end{array}$$

$$\Rightarrow 280 = 2^3 \cdot 5 \cdot 7$$

Chú ý:

Khi viết kết quả phân tích một số ra thừa số nguyên tố, ta thường viết các ước nguyên tố theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.

Thực hành 2:

$$\begin{array}{r|l} 60 & 2 \\ 30 & 2 \\ 15 & 3 \\ 5 & 5 \\ 1 & \end{array}$$

C1: Phương pháp phân tích theo sơ đồ cây: (SGK)

Nhận xét: Dù phân tích một số ra thừa số nguyên tố bằng cách nào thì ta cũng được cùng một kết quả.

3. Luyện tập

Bài 1 :

- a) 213 là số nguyên tố. Vì chỉ có 2 ước là 1 và chính nó.
- b) 245 là hợp số. Vì 245 có nhiều hơn 2 ước.
- c) 3 737 là số nguyên tố. Vì chỉ có 2 ước là 1 và chính nó.
- d) 67 là số nguyên tố. Vì chỉ có 2 ước là 1 và chính nó.

Bài 4 :

- a) **Sai.** Vì tích của một số nguyên tố với 2 là một số chẵn.
- b) **Đúng.** Vì tích của số nguyên tố 2 với số nguyên tố nào khác cũng là số chẵn.
- c) **Sai.** Vì các số nguyên tố đều lớn hơn 1 nên tích của hai số nguyên tố p và q luôn có 4 ước là 1; p; q; p.q, do đó là hợp số.

Bài 5:

- a) $80 = 2^4 \cdot 5$

=> 80 chia hết cho số nguyên tố 2 và 5.

b) $120 = 2^3 \cdot 3 \cdot 5$

=> 120 chia hết cho số nguyên tố 2, 3 và 5.

c) $225 = 3^2 \cdot 5^2$

=> 225 chia hết cho số nguyên tố 3 và 5.

d) $400 = 2^4 \cdot 5^2$

=> 400 chia hết cho số nguyên tố 2 và 5.

Bài 6:

a) $30 = 2 \cdot 3 \cdot 5$

=> $U(30) = \{1; 2; 3; 6; 10; 15; 30\}$.

b) $225 = 3^2 \cdot 5^2$

=> $U(225) = \{1; 3; 5; 9; 15; 25; 45; 75; 225\}$.

c) $210 = 2 \cdot 3 \cdot 5 \cdot 7$

=> $U(210) = \{1; 2; 3; 5; 6; 7; 10; 14; 15; 21; 30; 35; 42; 70; 105; 210\}$.

d) $242 = 22 \cdot 11$

=> $U(242) = \{1; 2; 11; 22; 121; 242\}$.

Bài 7 : a = 2³.3².7

Các số là ước của a là: 4, 7, 9, 21 và 24.

Dặn dò ☹(phần này hs không ghi)

HS đọc hiểu và phân tích mục **Em có biết ?**

+ HS tìm số ước của 36 ; 150 ; 176.

$36 = 2^2 \cdot 3^2$ nên 36 có $(2+1)(2+1) = 9$ (ước)

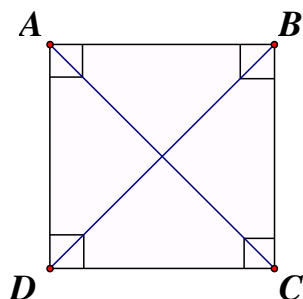
$150 = 2 \cdot 3 \cdot 5^2$ nên 150 có $(1+ 1)(1+ 1)(2+1) = 12$ (ước)

$176 = 2^4 \cdot 11$ nên 176 có $(4+1)(1+1) = 10$ (ước)

CHƯƠNG III: HÌNH HỌC TRỰC QUAN – CÁC HÌNH PHẪNG TRONG THỰC TIỄN

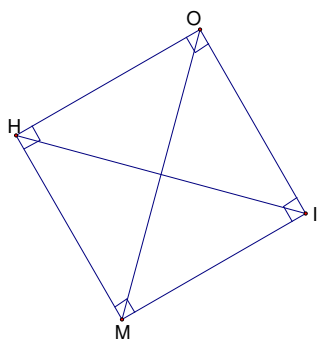
BÀI 1: HÌNH VUÔNG – TAM GIÁC ĐỀU – LỤC GIÁC ĐỀU

1/ HÌNH VUÔNG:



Hình vuông ABCD có:

- Bốn đỉnh: A, B, C, D
- Bốn cạnh: $AB = BC = CD = DA$
- Bốn góc bằng nhau và bằng góc vuông
- Hai đường chéo bằng nhau: $AC = BD$.

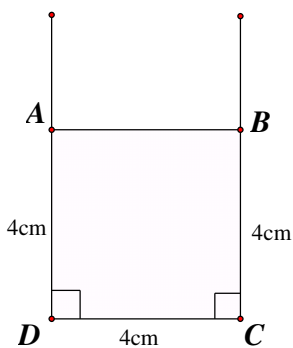
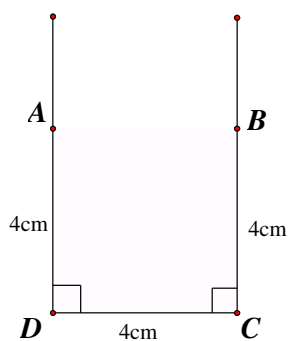


Hình vuông HOIM có:

- 4 đỉnh: H, O, I, M
- 4 cạnh: $HO = OI = IM = MH$
- 4 góc vuông
- 2 đường chéo: HI, MO

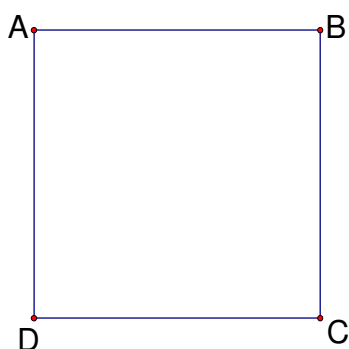
Ví dụ: Vẽ một hình vuông có cạnh bằng 4cm.

- Vẽ đoạn thẳng CD dài 4cm.
- Vẽ hai đường thẳng vuông góc với CD tại C và D.
- Trên đường thẳng qua C lấy đoạn thẳng $CB = 4\text{cm}$; trên đường thẳng qua D lấy đoạn thẳng $DA = 4\text{cm}$.
- Nối 2 điểm A và B, ta được hình vuông cần vẽ.
- Dùng thước và êke kiểm tra lại.



Áp dụng:

Bài 1: Em hãy tìm một số hình ảnh của hình vuông trong thực tế



Hình vuông ABCD có

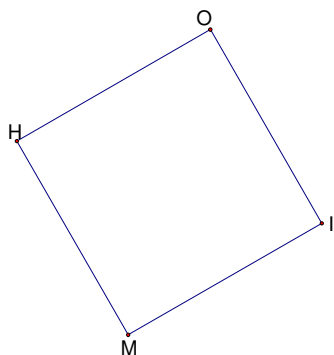
.....

.....

.....

.....

Bài 2: Cho hình vuông HOIM



a) Hãy kể tên các đỉnh, các cạnh của hình vuông HOIM

.....

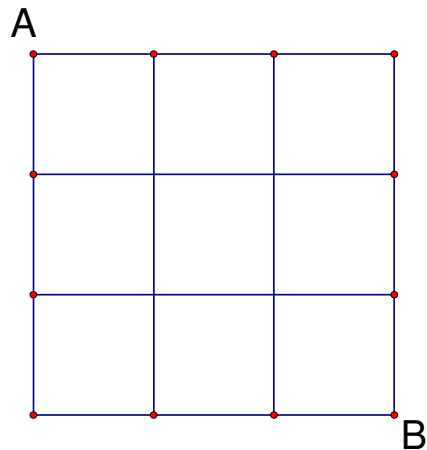
.....

.....

.....

b) Xác định các góc và vẽ các đường chéo của hình vuông HOIM

Bài 3: Quan sát hình vẽ

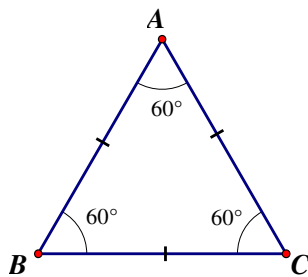


Hãy chỉ ra ít nhất 2 cách để một con kiến bò từ A đến B chỉ theo đường chéo của tất cả các hình vuông nhỏ

Bài 4: Vẽ hình vuông cạnh bằng 6cm

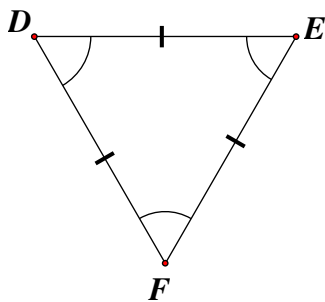
Bài 5: Có nhiều cách trang trí một hình vuông, em hãy vẽ một hình vuông và trang trí theo cách của mình.

2/ TAM GIÁC ĐỀU:



Tam giác ABC đều có:

- Ba đỉnh: A, B, C
- Ba cạnh: $AB = BC = CA$
- Ba góc đỉnh A, B, C bằng nhau và bằng 60° .



Tam giác DEF đều có:

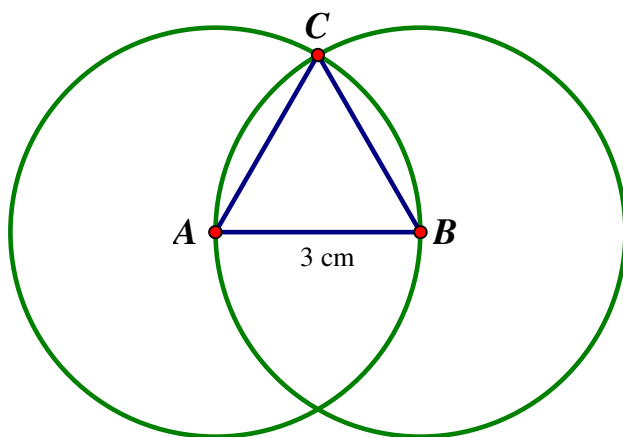
- 3 đỉnh: D, E, F
- 3 cạnh: $DE = EF = FD$
- 3 góc ở đỉnh D, E, F

Ví dụ : Vẽ tam giác đều có cạnh 3 cm bằng compa và thước:

- Vẽ đoạn thẳng $AB = 3\text{cm}$.

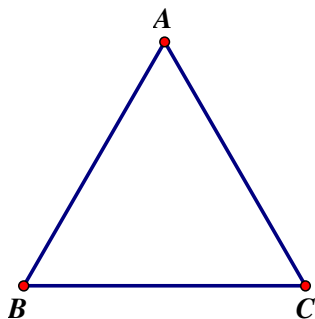
- Lấy A, B làm tâm, vẽ hai đường tròn bán kính 3cm.

Gọi C là một trong hai giao điểm của hai đường tròn. Nối C với A và C với B ta được tam giác đều ABC.



Áp dụng:

Bài 1: Em hãy tìm một số hình ảnh của tam giác đều trong thực tế



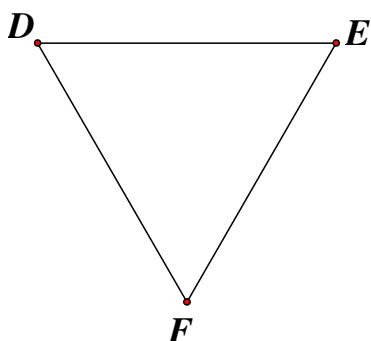
Tam giác ABC đều có

.....

.....

.....

Bài 2: Cho tam giác đều DEF



a) Hãy kể tên các đỉnh, các cạnh của tam giác đều DEF

.....

.....

.....

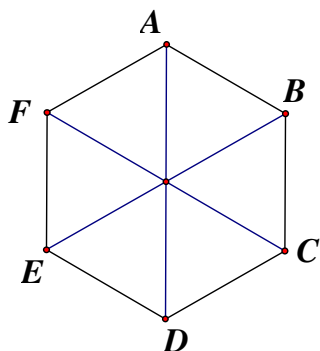
b) Xác định các góc của tam giác đều DEF

Bài 3: Vẽ tam giác đều cạnh bằng 3cm

Bài 4: Cho tam giác đều MNP có cạnh $MN = 9\text{cm}$. Tính độ dài cạnh NP và MP

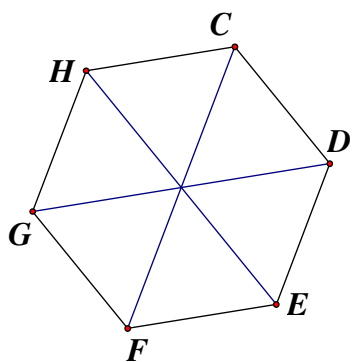
Bài 5: Có nhiều cách trang trí một tam giác đều em hãy vẽ tam giác đều và trang trí theo cách của mình

3/ LỤC GIÁC ĐỀU:



Lục giác đều ABCDEF có:

- Sáu đỉnh: A, B, C, D, E, F
- Sáu cạnh: $AB = BC = CD = DE = EF = FA$
- Sáu góc đỉnh A, B, C, D, E, F bằng nhau.
- Ba đường chéo chính bằng nhau: $AD = BE = CF$



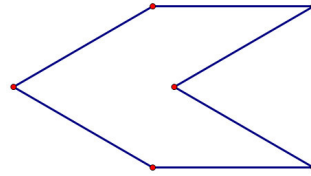
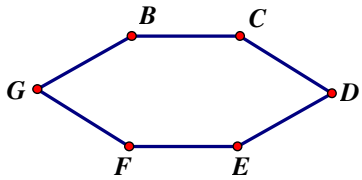
Lục giác đều CDEFGH có:

- Sáu đỉnh: C, D, E, F, G, H
- Sáu cạnh: $CD = DE = EF = FG = GH = HC$
- Sáu góc đỉnh A, B, C, D, E, F bằng nhau.
- Ba đường chéo chính: CF, HE, GD

Ví dụ :

An: “ Hình có 6 cạnh bằng nhau là lục giác đều”

Bình: “ Có những hình có 6 cạnh bằng nhau nhưng không phải là lục giác đều”

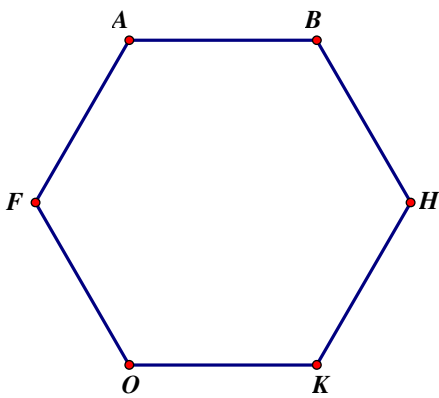


Nhận xét: không phải hình nào có 6 cạnh bằng nhau cũng là lục giác đều.

Áp dụng:

Bài 1: Em hãy tìm một số hình ảnh của lục giác đều trong thực tế

Bài 2: Cho lục giác đều ABCDEF



a) Lục giác đều ABCDEF có

.....

b) Xác định các góc và vẽ các đường chéo của lục giác đều ABCDEF

Bài 3: Hãy vẽ một hình có 6 cạnh bằng nhau nhưng không phải hình lục giác đều

Bài 4: Vẽ tam giác đều cạnh bằng 6cm

Bài 5: Cho lục giác đều ABCDEG có cạnh $AB = 5\text{cm}$.

Tính độ dài các cạnh còn lại của lục giác đều ấy

Bài 6: Cho lục giác đều ABCDEG với đường chéo $AD = 8\text{cm}$. Tính độ dài các đường chéo BE và CG

NỘI DUNG BÀI HỌC MÔN VĂN

Bài 1: LẮNG NGHE LỊCH SỬ NƯỚC MÌNH

Tiết: Nói- nghe

THẢO LUẬN NHÓM NHỎ VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN CÓ

GIẢI PHÁP THỐNG NHẤT

I. Các bước thảo luận nhóm về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất(sgk/34.35)

1. Bước 1: Chuẩn bị

2. Bước 2: Thảo luận

a. Cách trình bày ý kiến

b. Phản hồi ý kiến

c. Thống nhất

II. Thực hành nói và nghe

Đề: Có ý kiến cho rằng “Muốn học giỏi môn Ngữ văn chỉ cần học thuộc những gì cô giáo cho ghi. Ý kiến khác lại cho rằng “Để học giỏi môn Ngữ văn thì chỉ cần đọc nhiều sách”

1. Một số lưu ý khi thảo luận nhóm:

- Lắng nghe đồng đội, tránh mâu thuẫn khi làm việc nhóm.
- Tổ chức và phân công công việc, xác định vai trò riêng và chung của các thành viên
- Giúp đỡ lẫn nhau.
- Khuyến khích và phát triển cá nhân

2. Thực hành:

Các vấn đề tập trung thảo luận:

a. Ý kiến thứ nhất: “Muốn học giỏi môn Ngữ văn chỉ cần học thuộc những gì cô giáo cho ghi”.

- Gợi ý thảo luận: Ý kiến chưa đúng. Vì:

- + Môn Ngữ văn không phải là môn học thuộc.
- + Nếu chỉ học thuộc sẽ rơi vào lối học thụ động, dễ gây nhàm chán.
- + Những kiến thức không thể chỉ học thuộc mà phải tư duy....

b. Ý kiến thứ 2: “Để học giỏi môn Ngữ văn chỉ cần đọc nhiều sách.”

- Ý kiến chưa đủ. Vì:

- + Đọc sách là việc rất cần thiết khi học môn Ngữ văn nhưng chỉ đọc sách thôi

chưa đủ...

+ Học môn Ngữ văn phải có thầy cô hướng dẫn...

+ Khi làm bài tập, chỉ đọc sách có hiểu và biết cách làm bài... ..

→ **Giải pháp thống nhất:** Muốn học tốt môn Ngữ văn, cần phải làm gì? Làm như thế nào?

III. Luyện tập

Thảo luận nhóm về chủ đề: Biện pháp giúp nhau tiến bộ trong học tập.

Quy trình	Mô tả	Nội dung triển khai	
Chuẩn bị	Thành lập nhóm	Nhóm 6 thành viên:	
	Phân công công việc	Vị trí	Nhiệm vụ
		Nhóm trưởng	
		Thư kí	
		Thành viên	
		Thành viên	
	Chuẩn bị nội dung thảo luận		
		Ý kiến của tôi	Lí do
	Mục tiêu thảo luận		
	Thời gian thảo luận		
Thảo luận	Trình bày ý kiến		
	Phản hồi ý kiến		
	Thống nhất giải pháp		

IV. Bài tập vận dụng

Bài tập 1: Em hãy tìm ví dụ về một truyện thuộc thể loại truyền thuyết và chỉ ra các yếu tố tưởng tượng kì ảo trong văn bản đó?

Bài tập 2: Hãy kể thêm về một trải nghiệm của bản thân về phương pháp hiệu quả để hoàn thành việc học bài, làm bài trước khi đến lớp.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết: ÔN TẬP

I. Đọc mở rộng theo thể loại

1. Tóm tắt nội dung chính, sự kiện, chi tiết đặc sắc:

- HS tóm tắt nội dung chính, sự kiện, chi tiết đặc sắc của các văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn 6_ tập I.

2. Đặc điểm thể loại truyền thuyết

- Nhân vật:

- + Thường có những điểm khác lạ về lai lịch, phẩm chất, tài năng, sức mạnh.
- + Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lớn đối với cộng đồng Được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.

- Cốt truyện:

- + Thường xoay quanh công trạng, kì tích của nhân vật mà cộng đồng truyền tụng tôn thờ.

+ Thường sử dụng yếu tố kì ảo nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh khác thường của nhân vật.

+ Cuối truyện còn gợi nhắc các dấu tích xưa còn lưu lại đến hiện tại.

II. Những điều lưu ý khi tóm tắt một văn bản bằng sơ đồ

1. Về nội dung:

- Tóm lược đúng và đủ các sự việc, phần, đoạn, ý chính
- Sử dụng các từ khóa, cụm từ
- Thể hiện được quan hệ giữa các sự việc, phần, đoạn, ý chính trong văn bản
- Thể hiện được nội dung bao quát toàn văn bản

2. Về hình thức:

- Kết hợp hài hòa, hợp lí giữa các từ khóa với hình vẽ, mũi tên, các kí hiệu
- Sáng rõ, có tính thẩm mĩ, giúp nắm bắt nội dung chính của văn bản một cách thuận lợi, dễ dàng

III. Luyện tập

-Liên hệ câu hỏi lớn: Chúng ta có thể lắng nghe lịch sử nước mình từ đâu?

IV. Bài tập vận dụng

Các truyền thuyết đều thể hiện cái nhìn ngưỡng mộ, biết ơn của nhân dân đối với các vị anh hùng có công trong lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc. Em suy nghĩ gì về trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay với đất nước HS

CHỦ ĐỀ: MIỀN CỔ TÍCH

I. TRI THỨC ĐỌC HIỂU (SGK/37,38)

CỔ TÍCH			
Khái niệm	Đặc điểm		
	Nhân vật	Cốt truyện	Chủ đề
- Là loại truyện dân gian xoay quanh cuộc đời của một số kiểu nhân vật. Truyện thể hiện cách nhìn, cách nghĩ của người xưa với cuộc sống đồng thời nói lên mơ ước về một xã hội công bằng, tốt đẹp.	- Thường kể về một số kiểu nhân vật: Nhân vật bất hạnh (Người mò côi, người mang lốt vật...), nhân vật dũng sỹ, nhân vật thông minh. - Phẩm chất nhân vật chủ yếu thể hiện qua hành động	- Thường có yếu tố hoang đường, kỳ ảo, mở đầu bằng “Ngày xưa, ngày xưa” và kết thúc có hậu. - Truyện kể theo trình tự thời gian.	- Trong truyện cổ tích, chủ đề nổi bật là thể hiện ước mơ của nhân dân về một xã hội công bằng, cái thiện chiến thắng cái ác, người hiền lành sẽ được đền đáp xứng đáng, kẻ độc ác bị trừng trị.

II. VĂN BẢN 1: SỢ DỪA

1. Trải nghiệm cùng văn bản.

a. Đọc

- Đọc chú thích
- Đọc diễn cảm

b. Tóm tắt văn bản.

MÔN ANH VĂN
UNIT 2 : SCHOOL.

Lesson 1

New words :

1. history	(n)	/'hɪstəri/	: môn Lịch sử
2. P.E	(n)	/,pi:'i:/	: môn Thể dục (physical education)
3. I.T	(n)	/aiti/	: môn Tin học (information technology)
4. music	(n)	/'mju:zɪk/	môn Âm nhạc
5. geography	(n)	/dʒɪ'ɒɡ.rə.fɪ/	môn Địa lý
6. literature	(n)	/'lɪt.rə.tʃər/	môn Ngữ văn
7. physics	(n)	/'fɪz.ɪks/	môn Vật lý
8. biology	(n)	/baɪ'ɒl.ə.dʒi/	môn Sinh học

Grammar :

***AND: VÀ, OR: HOẶC**

- A. What subjects do you like ?
B. I like English, physics **and** literature.
A. What subjects don't you like ?
B. I don't like math, biology, **or** music.

***Possessive Adjective**



*** Possessive Pronouns**

(Tính từ sở hữu)

(Đại từ sở hữu)

My

mine

Your

yours

His

his

Her

hers

Its

its

Our

ours

Their

theirs

Examples :

1. This is **my** car .  This car is **mine**.

2. This is **their** house. → This house is **theirs**.
3. This is **our** kitchen. → This kitchen is **ours**.
4. This is **his** special moment. → This special moment is **his**

EXERCISE :

Fill out the correct possessive pronoun :

1. I have a dog. That dog is _____.
2. She has a cat. That cat is _____.
3. We have a car. That car is _____.
4. They have a bike. That bike is _____.
5. He has a key. That key is _____.
6. You have a hat. That hat is _____.

EXERCISES

b/p.15]. Circle the correct words :

1. My favorite sport is tennis. What's mine / **yours** ? - I like soccer.
2. I found a bag. Is it mine / yours ? - No, it isn't. My bag is here.
3. This book isn't my book. Mine / Yours is blue.
Is it yours ? - Yes, it is.
4. I saw a red hat on the table. Isn't yours / mine red ? - No, mine is blue.
5. What's your favorite ice cream ?
Mine / Yours is chocolate. - I like chocolate, too.
6. Do you have a ruler ? Mine / Yours is at home. - Sure, here you are.

c/p.15] Write sentences using the prompts. ☺ = I like ☹ = I don't like

1. history / I.T / physics ☺ I like history, I.T, and physics.
2. art / music/ ☹ _____
3. literature / biology ☺ _____
4. P.E / geography / physics ☹ _____
5. music / literature / art ☺ _____

MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CHỦ ĐỀ 1: CÁC PHÉP ĐO

Bài 6: ĐO THỜI GIAN (T1-tuần 4)

1. Đơn vị và dụng cụ đo thời gian

- Đơn vị đo thời gian trong hệ thống đo lường chính thức của nước ta là giây (Second)
- Kí hiệu: s
- Ngoài ra còn các đơn vị khác: phút, giờ, ngày, tuần, tháng, năm....
- Dụng cụ đo thời gian là đồng hồ.
- Có nhiều loại đồng hồ khác nhau như đồng hồ điện tử, đồng hồ treo tường, đồng hồ đeo tay...

2. Thực hành đo thời gian

a. Ước lượng thời gian và lựa chọn đồng hồ

- Câu 3: Đồng hồ bấm giây. Vì độ chia nhỏ để và giới hạn đo phù hợp với thời gian vận động viên chạy.
- Câu 4: từ 3-10 giây.

b. Sử dụng đồng hồ đúng cách

- Câu 5: Hình 6.2_a: Hiệu chỉnh đồng hồ về 0 trước khi đo.
- Câu 6: Hình 6.3_a: Đặt mắt nhìn theo hướng vuông góc với đồng hồ.

Luyện tập: Hình 6.4_a,b: Đọc và ghi kết quả đo theo vạch chia gần nhất với đầu kim của đồng hồ, do đó số chỉ của kim là 5s.

c. Đo thời gian bằng đồng hồ

Khi đo thời gian của một hoạt động, ta cần thực hiện các bước sau:

- Bước 1: Ước lượng thời gian cần đo.
- Bước 2: Chọn đồng hồ phù hợp.
- Bước 3: Hiệu chỉnh đồng hồ trước khi đo.
- Bước 4: Thực hiện đo thời gian bằng đồng hồ.
- Bước 5: Đọc và ghi kết quả mỗi lần đo.

Bài 7: THANG NHIỆT ĐỘ CELSIUS. ĐO NHIỆT ĐỘ (T 2,3,4-Tuần 4)

1. Nhiệt độ và nhiệt kế

Tìm hiểu về nhiệt độ và nhiệt kế

Trả lời

Câu hỏi 1: Cảm giác của các ngón tay về độ ‘nóng’, ‘lạnh’ khi nhúng vào 2 cốc là khác nhau.

Câu hỏi 2: Nhiệt độ

Câu hỏi 3: Nhiệt kế rượu, nhiệt kế thủy ngân, nhiệt kế tế, nhiệt kế điện tử,.....

Luyện tập: + Hình 7.3: GHĐ: 42°C , ĐCNN: $0,1^{\circ}\text{C}$

+ Hình 7.4: GHĐ: 45°C , ĐCNN: $0,1^{\circ}\text{C}$

+ Hình 7.5: GHĐ: 50°C , ĐCNN: 1°C

- Nhiệt độ là số đo độ “nóng” , “lạnh” của vật. Vật nóng hơn có nhiệt độ cao hơn. Vật lạnh hơn có nhiệt độ thấp hơn.

- Đơn vị đo nhiệt độ:
- Đơn vị đo nhiệt độ trong hệ SI là Kelvin (kí hiệu: K)
- Đơn vị đo nhiệt độ thường dùng ở Việt Nam là độ C (kí hiệu: $^{\circ}\text{C}$)
- Dụng cụ đo nhiệt độ là nhiệt kế. Có nhiều loại nhiệt kế khác nhau.

2. Thang nhiệt độ:

Tìm hiểu về thang nhiệt độ Celsius

- Nhiệt độ đông đặc của nước là 0°C
- Nhiệt độ sôi của nước là 100°C
- Nhiệt độ thấp hơn 0°C gọi là nhiệt độ âm

3. Thực hành đo nhiệt độ

Trả lời:

Câu hỏi 4: + Đo nhiệt độ của nước trong ấm ta nên chọn nhiệt kế hình c, Vì GHĐ: 140°C

+ Đo nhiệt độ cơ thể có thể dùng nhiệt kế hình a hoặc b, Vì GHĐ của 2 nhiệt kế này phù hợp với nhiệt độ cơ thể.

- Khi đo nhiệt độ của một vật, ta cần thực hiện các bước sau:
 - Bước 1: Ước lượng nhiệt độ của vật cần đo
 - Bước 2: Chọn nhiệt kế phù hợp
 - Bước 3: Hiệu chỉnh nhiệt kế đúng cách trước khi đo
 - Bước 4: Thực hiện phép đo
 - Bước 5: Đọc và ghi kết quả mỗi lần đo.

MÔN: CÔNG NGHỆ

Bài 4 : Thực phẩm và dinh dưỡng (tiết 4)

LUYỆN TẬP

1. Liệt kê 5 món mặn
2. Liệt kê 5 món canh
3. Liệt kê 5 món xào (hay luộc)
4. Lập một thực đơn cho bữa ăn hàng ngày gồm cơm trắng và 1 món mặn , 1 món canh , 1 món xào .
5. Em hãy phân tích thành phần chất dinh dưỡng của thực phẩm có trong bữa ăn ở câu 4.
6. Tính chi phí của bữa ăn dành cho 4 người dùng với 3 món trong thực đơn ở câu 4.
Giả sử : Thịt, cá, tôm,đồng giá là 120. 000 đồng/ kg ; rau-củ-quả đồng giá là 30.000đồng /kg.

MÔN LỊCH SỬ

BÀI 4. XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

1. Các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy.

Bầy người nguyên thủy	Thị tộc	Bộ lạc
- Gồm vài chục gia đình sinh sống cùng nhau. - Có sự phân công lao động giữa nam và nữ.	- Gồm các gia đình có quan hệ huyết thống sinh sống cùng nhau. - Đứng đầu là tộc trưởng.	- Gồm các thị tộc sống trên cùng một địa bàn. - Đứng đầu là tù trưởng.
Của cải chung, làm chung, hưởng thụ bằng nhau		

2. Đời sống vật chất của người nguyên thủy.

a. Lao động và công cụ lao động.

- Người nguyên thủy biết sử dụng những mẩu đá làm công cụ, biết ghè đá -> công cụ lao động thô sơ.
- Người tối cổ biết tạo ra lửa để sưởi ấm và nướng thức ăn.

Bầy người nguyên thủy	Thị tộc	Bộ lạc
- Gồm vài chục gia đình sinh sống cùng nhau. - Có sự phân công lao động giữa nam và nữ.	- Gồm các gia đình có quan hệ huyết thống sinh sống cùng nhau. - Đứng đầu là tộc trưởng.	- Gồm các thị tộc sống trên cùng một địa bàn. - Đứng đầu là tù trưởng.
Của cải chung, làm chung, hưởng thụ bằng nhau		

- Người tinh khôn biết sử dụng lao, cung tên. Nguồn thức ăn phong phú hơn, bao gồm cả các loại thú rừng lớn, chạy nhanh.
- Nhờ chế tác công cụ lao động, đôi bàn tay dần trở nên khéo léo hơn, cơ thể cũng dần biến đổi để thích ứng với các tư thế lao động. Con người đã từng bước tự cải biến và hoàn thiện mình.

b. Từ hái lượm, săn bắt đến trồng trọt, chăn nuôi.

- Sống lệ thuộc vào tự nhiên., di chuyển từ nơi này sang nơi khác để tìm kiếm thức ăn.
- Phát hiện những hạt ngũ cốc, rau quả có thể trồng được.
- Từ săn bắt, họ dần chuyển sang thuần dưỡng và chăn nuôi.
- Người nguyên thủy đã dần chuyển sang định cư, địa bàn cư trú cũng được mở rộng.
- Tìm thấy những dấu tích của họ ở nhiều vùng khác nhau như Bàu Tró (Quảng Bình), Cái Bèo, Hạ Long (Quảng Ninh), Quỳnh Văn (Nghệ An).

3. Đời sống tinh thần của người nguyên thủy.

- Có tục chôn cất người chết.
- Nhiều tranh vẽ trong hang đá, điêu khắc trên chất liệu đá, ngà voi,... giúp chúng ta có thể hình dung phần nào đời sống vật chất và tinh thần của họ.



MÔN ĐỊA LÍ

Bài 2. KÍ HIỆU VÀ CHÚ GIẢI TRÊN MỘT SỐ BẢN ĐỒ THÔNG DỤNG (Tiết 1)

I. KÍ HIỆU BẢN ĐỒ VÀ CHÚ GIẢI

- KHBĐ là những hình vẽ. Màu sắc, chữ viết...mang tính qui ước dùng để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ
- KHBĐ giúp người đọc phân biệt được sự khác nhau của các thông tin thể hiện trên bản đồ.
- Ý nghĩa của kí hiệu được giải thích rõ ràng trong bảng chú giải.

I. KÍ HIỆU BẢN ĐỒ VÀ CHÚ GIẢI

- KHBĐ là những hình vẽ. Màu sắc, chữ viết...mang tính qui ước dùng để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ
- KHBĐ giúp người đọc phân biệt được sự khác nhau của các thông tin thể hiện trên bản đồ.
- Ý nghĩa của kí hiệu được giải thích rõ ràng trong bảng chú giải.

BÀI 1: YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI (TIẾT 1)

I. Thông tin – sự kiện: HS đọc và phân tích thông tin trong SGK

Kết luận :

- Tình yêu thương là sự quan tâm, giúp đỡ người khác trong hoàn cảnh khó khăn.
- Tình yêu thương con người mang lại cho chúng ta niềm vui, ấm áp và vượt qua hoàn cảnh khó khăn.

II. Nội dung bài học:

a/ Khái niệm : Yêu thương con người là quan tâm, giúp đỡ, làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những người gặp hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn.

b/ Biểu hiện:

- Biểu hiện của yêu thương con người: Quan tâm, giúp đỡ, thông cảm, sẻ chia, biết tha thứ, biết hi sinh vì người khác,...
- Biểu hiện trái với yêu thương con người: Nhỏ nhen, ích kỉ, thờ ơ trước những khó khăn và đau khổ của người khác, bao che cho điều xấu, vô cảm, vụ lợi cá nhân, đánh đập, sỉ nhục người khác,...

III. Luyện tập :

- HS làm các bài tập SGK
- Xử lý bài tập tình huống

IV. Dặn dò:

- Học phần nội dung bài học.
- Làm Bài tập / SGK
- Chuẩn bị tiết 2

BÀI TẬP

Em hãy xử lí các tình huống sau:

Tình huống 1: Hai bài kiểm tra giữa kì trong buổi học chiều nay làm Minh vô cùng căng thẳng. Về đến nhà, Minh muốn đi chơi với các bạn nhưng thấy mẹ đang tất bật nấu cơm; bố đi làm về với gương mặt mệt mỏi. Minh không biết phải làm sao?

Tình huống 2: Hôm qua, Bình phát hiện gia đình Giang có hoàn cảnh rất khó khăn: bố Giang mất sớm, mẹ bị tai nạn phải nằm một chỗ. Giang và mẹ ở cùng với bà ngoại cung đã già yếu. Bình rất xúc động và băn khoăn nhiều về hoàn cảnh của Giang.

Tình huống 3: Hôm kia, Bảo đã thống nhất với bố mẹ sẽ quyên góp ủng hộ các gia đình bị thiệt hại bởi lũ lụt một số tiền. Sáng nay, Thảo và Quyên rủ Bảo tham gia buổi liên hoan đội bóng của khối. Bảo không biết phải làm sao?

Câu hỏi :

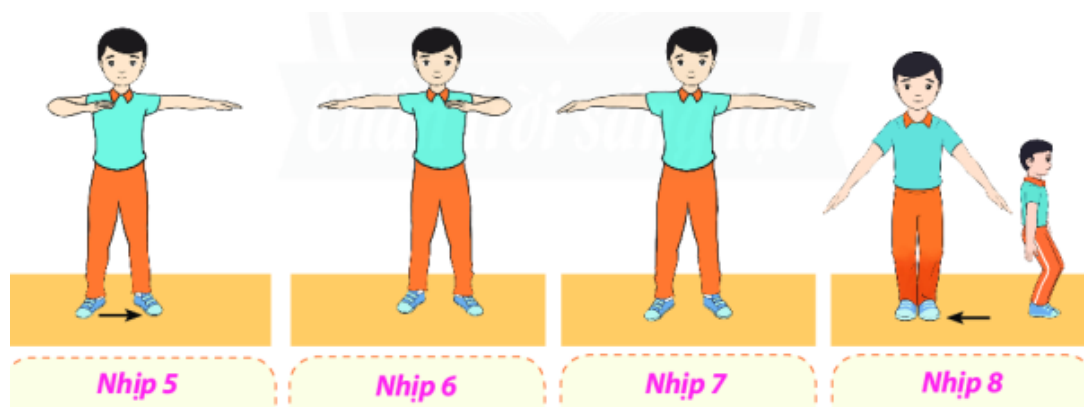
- 1/ Nếu là các bạn Minh, Bình, Bảo em sẽ làm gì?
- 2/ Em sẽ làm gì để thể hiện tình yêu thương con người (đối với người thân trong gia đình, bạn bè và cộng đồng xã hội) ?

MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT
KHỐI 6 TUẦN 4 (27/9- 2/10/2021)
ÔN BÀI THỂ DỤC LIÊN HOÀN
NHỊP 1 ĐẾN 12

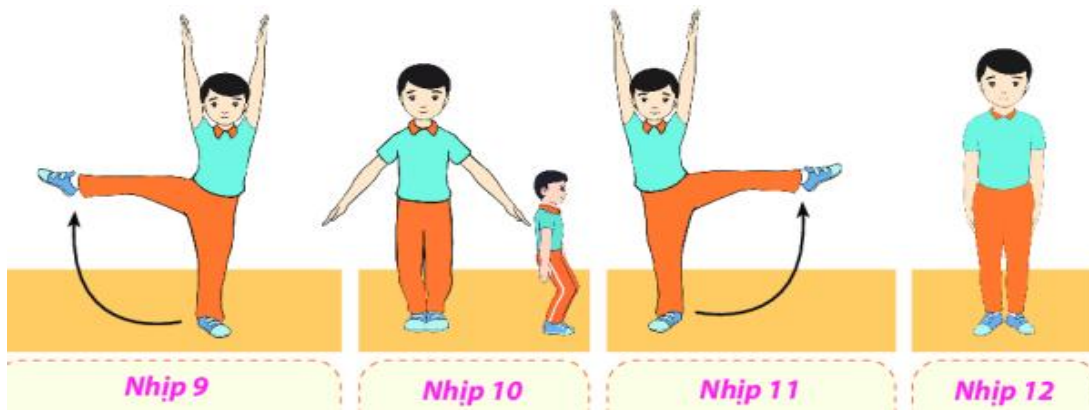
I. Bài tập thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 12:



- *TTCB*: Tư thế đứng nghiêm.
- *Nhịp 1*: Chân trái bước sang ngang rộng bằng vai, đồng thời hai tay đưa lên cao chếch chữ V, lòng bàn tay hướng vào nhau, đầu ngửa.
- *Nhịp 2*: Hai tay thu ngang vai, đầu các ngón tay chạm mồm vai, mặt hướng trước.
- *Nhịp 3*: Về tư thế nhịp 1 đồng thời hai chân kiễng gót.
- *Nhịp 4*: Chân trái thu về, đồng thời hai tay hạ về tư thế chuẩn bị.



- *Nhịp 5*: Chân trái bước sang ngang, đồng thời tay trái đưa ngang vai, cẳng tay phải gấp trước ngực, lòng bàn tay sấp.
- *Nhịp 6*: Tay phải duỗi ngang vai, cẳng tay trái gấp trước ngực, lòng bàn tay sấp.
- *Nhịp 7*: Tay trái duỗi thẳng ngang vai, lòng bàn tay sấp.
- *Nhịp 8*: Chân trái thu về, hai gối khụy, đồng thời hai tay duỗi thẳng chếch bên thấp, lòng bàn tay sấp.



- *Nhịp 9*: Chân phải đưa sang ngang, bàn chân duỗi thẳng, đồng thời hai tay đưa lên cao áp sát hai tai, lòng bàn tay hướng vào nhau, mắt nhìn thẳng.
- *Nhịp 10*: Trở về tư thế như nhịp 8.
- *Nhịp 11*: Thực hiện như nhịp 9 nhưng đổi chân.
- *Nhịp 12*: Chân trái thu về sát chân phải, hai tay thu về tư thế chuẩn bị.

MĨ THUẬT 6 Tuần 4

Bài 2: VẼ TRANH TĨNH VẬT MÀU (Tiết 2)

3. Vẽ tranh tĩnh vật màu:

- Lựa chọn vị trí quan sát để có bố cục hợp lí cho bài vẽ.
- Thực hiện bài vẽ theo ý thích.



- Quan sát, so sánh đậm nhạt, màu sắc khi vẽ

4. Trưng bày sản phẩm và chia sẻ:

- Bài vẽ em yêu thích.
- Hoà sắc trong bài vẽ.
- Cách diễn tả trong bài vẽ (bố cục, nét, hình, màu, đậm nhạt)

5. Ứng dụng với tranh tĩnh vật hoa quả:

- Tranh tĩnh vật màu gợi cho người xem cảm xúc và tình yêu với thiên nhiên, phù hợp để trang trí trong cuộc sống.

MÔN ÂM NHẠC – NGHỆ THUẬT 6

Lớp 6 / Tuần 4: Từ ngày 27/09 đến 02/10/2021.

Tiết 4: - LÝ THUYẾT ÂM NHẠC: CÁC THUỘC TÍNH CƠ BẢN CỦA ÂM THANH CÓ TÍNH NHẠC

- THƯỜNG THỨC ÂM NHẠC: NHẠC SĨ LƯU HỮU PHƯỚC VÀ NGHE NHẠC: BÀI HÁT LÊN ĐÀNG

I- LÝ THUYẾT ÂM NHẠC: CÁC THUỘC TÍNH CƠ BẢN CỦA ÂM THANH CÓ TÍNH NHẠC

Các thuộc tính cơ bản của âm thanh có tính nhạc

Âm thanh trong âm nhạc có bốn thuộc tính sau:

- **Cao độ:** độ cao, thấp của âm thanh.
- **Trường độ:** độ dài, ngắn của âm thanh. Để biểu thị trường độ, người ta dùng các kí hiệu nốt tròn (○), trắng (◡), đen (◐), móc đơn (♩),...
- **Cường độ:** độ mạnh, nhẹ hoặc to, nhỏ của âm thanh. Người ta dùng các kí hiệu để biểu thị cường độ như: *f* (forté) là mạnh, *p* (piano) là nhẹ,...
- **Âm sắc:** màu sắc của âm thanh, chỉ sự khác nhau về tính chất âm thanh của các nhạc cụ, giọng hát,... Người ta thường dùng các từ để chỉ âm sắc như: trong/trong trẻo, đục/đùng đục, ngọt/ngọt ngào, ấm/ấm áp, sắc, đành, chói,...

II- THƯỜNG THỨC ÂM NHẠC: NHẠC SĨ LƯU HỮU PHƯỚC VÀ NGHE NHẠC: BÀI HÁT LÊN ĐÀNG

1. Tìm hiểu về nhạc sĩ Lưu Hữu Phước:

- Lưu Hữu Phước (1921 - 1989):
 - + Nhạc sĩ thuộc thế hệ đầu tiên của nền âm nhạc Việt Nam hiện đại.
 - + Đặc trưng các tác phẩm: tràn đầy khí thế cách mạng, gắn nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước.
 - + Sự nghiệp sáng tác:
 - Các bài hát hành khúc: Bạch Đằng giang, Lên đảng, Tiếng gọi thanh niên, Giải phóng miền Nam, Tiến về Sài Gòn,...

- Các bài chính ca xuất sắc: Hồn tử sĩ, Ca ngợi Hồ Chủ tịch,...
- Các bài hát thiếu nhi: Mùa vui, Reo vang bình minh, Thiếu nhi thế giới liên hoan...

+ Một trong những thành viên thành lập Viện nghiên cứu Âm nhạc Việt Nam.

+ Được Nhà nước truy tặng Giải thưởng HCM về Văn học – Nghệ thuật năm 1996.

2. Nghe nhạc : Bài hát “ Lên Đàng”

- Sáng tác năm 1944, thuộc thể loại hành khúc.

- Giai điệu mạnh mẽ, là lời kêu gọi, cổ vũ nhân dân xuống đường tham gia vào sự nghiệp giải phóng dân tộc.

- Ý nghĩa:

+ Có sức lan tỏa rộng rãi trong những ngày Cách mạng tháng Tám và kháng chiến chống xâm lược của nhân dân ta.

+ Là lời thúc giục thế hệ trẻ hăng say lao động và học tập để trở thành những người chủ của tương lai đất nước.

TIN HỌC 6

TUẦN 4 (27/9/2021 ĐẾN 2/10/2021)

CHỦ ĐỀ A. MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG

Bài 4. BIỂU DIỄN VĂN BẢN, HÌNH ẢNH, ÂM THANH TRONG MÁY TÍNH

1. Ba dạng thông tin cơ bản:

- Dạng văn bản.
- Dạng hình ảnh.
- Dạng âm thanh.

2. Bit là gì?

- BIT đơn vị nhỏ nhất để biểu diễn và lưu trữ thông tin,
- BIT chỉ có thể nhận một trong hai trạng thái, kí hiệu “0” và “1”.

3. Cách biểu diễn mỗi kí tự, mỗi văn bản được biểu diễn trong máy tính.

- Kí tự: tên gọi chung cho chữ cái, chữ số, dấu cách, dấu chính tả, kí hiệu khác nhau.
- Trong máy tính, mỗi kí tự được biểu diễn bằng một dãy bit tương ứng xác định, mỗi văn bản được biểu diễn bằng một dãy BIT

4. Số hóa dữ liệu

- Số hóa dữ liệu chuyển dữ liệu thành dãy BIT, tức là dãy các kí hiệu "0" và "1" liên tiếp, để máy tính có thể xử lí.